

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-PT
Ngày 25 tháng 03 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt, bà Vi Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/03/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLDS -PT ngày 11 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2018/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2019/QĐ - PT ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như H. Địa chỉ: Số nhà 111, tổ 17, phường TT, thành phố DB, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn T. Địa chỉ: Thôn QT, xã TN, huyện LT, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu NS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Đ. Địa chỉ: Số nhà 111, tổ 17, phường TT, thành phố DB, tỉnh Điện Biên. Không triệu tập.

+ Anh Lê Hữu T. Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Đào Văn T. Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến, xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

+ Bà Ngọc Lan H. Địa chỉ: Số 68 HQV, phường HVT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn. Không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Như H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Từ năm 2013, do vợ chồng Ông Lê Hữu L, bà Lê Thị T cùng cư trú tại Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La có nhu cầu vay tiền để làm ăn, khi đó vợ chồng ông L có quen biết ông Nguyễn Như H. Ông L và bà T có hỏi vay tiền ông H. Ông H không có tiền nên đã vay mượn của bạn bè, người thân cho vợ chồng ông L vay, mục đích để kinh doanh ngô sắn. Để tạo niềm tin, ông bà LT cam kết sau này sẽ dùng căn nhà tại Tiểu khu 4, thị trấn Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La để san nợ cho ông H và hứa sẽ thu gom lúa, ngô để trừ vào các khoản tiền vay. Vì tin tưởng vào khả năng thanh toán của vợ chồng ông bà LT, ông H đã chuyển tiền cho vay qua ngân hàng, ngoài ra còn một số lần giao tiền trực tiếp cho bà T vay. Do ông L và bà T không có tài khoản nên việc giao dịch vay tiền phải chuyển qua các ngân hàng theo số Chứng minh thư nhân dân của anh Lê Hữu T là con trai bà T Long. Cụ thể các lần giao tiền như sau:

- Ngày 26/8/2013, ông H chuyển cho Lê Hữu T qua ngân hàng BIDV: 400.000.000đ

- Ngày 11/10/2013, ông H chuyển cho Lê Hữu T qua ngân hàng BIDV số tiền 300.000.000đ

- Ngày 25/11/2013, ông H chuyển cho Lê Hữu T qua ngân hàng BIDV: 400.000.000đ

- Ngày 09/01/2014, ông H chuyển cho Lê Hữu T qua ngân hàng BIDV số tiền 300.000.000đ

- Ngày 31/12/2014, ông H chuyển cho Lê Hữu T qua ngân hàng BIDV số tiền 400.000.000đ.

Số tiền ông H đã chuyển trực tiếp cho bà T các lần sau: Tháng 12/2013, số tiền 1.000.000.000đ; tháng 2/2014, số tiền 200.000.000đ. Tháng 4/2014, số tiền 200.000.000đ. Tháng 5/2014, số tiền 80.000.000đ. Tháng 6/2015 chuyển qua ngân hàng cho bà T 300.000.000đ.

Ngoài ra, bà Lê Thị T còn vay lại số tiền của em trai ông H là ông Nguyễn Thanh P (bà T giao cho anh Thuận là con rể của bà T) lên Điện Biên nhận là 1.230.000.000đ

Đến năm 2016, sau một thời gian dài ông bà LT không thanh toán được tiền, cũng không có lúa, ngô chuyển cho anh Hải để trừ vào khoản tiền vay. Vì vậy, ngày 17/6/2016, ông H và Ông Lê Hữu L, bà Lê Thị T đã cùng nhau đối chiếu công nợ, xác nhận số nợ ông bà LT còn nợ ông H số tiền 2.960.000đ và có lập thành biên bản. Do số nợ ông H vay trực tiếp của ông Nguyễn Quang D, vì vật để ông D là người liên hệ với ông bà LT đốc thúc công nợ. Ngày 21/6/2016, ông Nguyễn Như H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Quang D (trú tại số 636, tổ 01, phường CM, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình) liên hệ với ông L, bà T để thu hồi khoản nợ trên. Sau khi nhận ủy quyền, ngày 05/10/2016 ông D đã ủy quyền cho anh Đào Văn T có trách nhiệm thanh toán công nợ với vợ chồng ông bà LT. Tiếp tục ngày 10/7/2017, ông H đến phòng công chứng tỉnh Hòa Bình lập hợp đồng ủy quyền cho ông D. Ông D tiếp tục lập hợp đồng ủy quyền cho anh T liên hệ với vợ chồng ông bà LT để yêu cầu khoản nợ mà vợ chồng ông L đã nợ ông H. Anh T đã gặp vợ chồng ông L và người thân của ông L đề nghị vợ chồng ông bà LT trả tiền và đối chiếu công nợ. Ngày 15/10/2016, ông bà LT đã tự nguyện đối chiếu công nợ với tổng số tiền vợ chồng ông bà LT nợ ông H cho đến ngày 15/10/2016 là 3.169.000.000đ. Đồng thời, ông bà LT đã tự nguyện cam kết dùng diện tích nhà ở, kho chứa hàng trên diện tích đất 150m² đất ở và đất nhận khoán để bảo đảm thanh toán khoản nợ trên.

Đến tháng 01/2017, vợ chồng anh L, chị T vẫn không thanh toán được khoản nợ trên, nên đã tự nguyện đến văn phòng công chứng Sơn La ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1 tờ bản đồ T – 2 + 3 – 1/SD có diện tích 150m² đất ở và đất thầu khoán nông nghiệp tại tiểu khu Nà Sản, xã Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La; giá chuyển nhượng là 600.000.000đ

trừ vào một phần số nợ của ông H. Đồng thời, hai bên lập cam kết trong thời hạn từ 05/01/2017 đến ngày 05/7/2017, ông bà LT có trách nhiệm chuộc lại nhà đất trên. Nếu không có khả năng chuộc lại nhà đất thì ông bà LT phải di chuyển đi nơi khác ở, bàn giao lại toàn bộ nhà đất cho anh Đào Văn T quản lý, sử dụng. Nhưng cho đến nay, ông bà LT vẫn chưa thanh toán khoản nợ trên cho ông H.

Vì vậy, ông H khởi kiện đề nghị Ông Lê Hữu L, bà Lê Thị T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên đã ký ngày 05/01/2017, buộc gia đình Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị T di chuyển đồ đạc sinh hoạt cá nhân và tài sản ra khỏi nhà đất trên để bàn giao tài sản. Buộc Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị T thanh toán số tiền còn nợ là 2.569.000.000đ.

Bị đơn Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị T trình bày:

Gia đình ông bà quen biết ông H từ năm 1998, do ông H công tác xa nên tình cảm gián đoạn. Đến năm 2013, anh Nguyễn Như H gặp lại và nhận hai con trai ông bà làm con nuôi và tự nguyện đưa tiền, không có lãi còn gia đình ông bà không đề nghị vay. Vì vậy, ông bà khẳng định gia đình ông bà không vay mà chỉ cầm tiền hộ ông H. Từ năm 2013 đến năm 2104, gia đình ông bà đã nhiều lần nhận tiền từ ông H thông qua tài khoản ngân hàng BIDV của con trai Lê Hữu T và một vài lần tiền tiền mặt, có lần con rể là Thuận nhận ở Điện Biên. Ngoài ra bà T khẳng định không có nhận tiền mặt 400.000.000đ và 1.000.000.000đ. Trước ngày chốt nợ, con trai bà là Lê Hữu T chuyển qua tài khoản ở Lạng Sơn là 1.495.000.000đ trả cho ông H qua tài khoản của bà Nguyễn Lan Hương theo yêu cầu của ông H. Ngoài ra, bà T trả chuyển tiền mặt là 1.400.0000.000đ cho ông H có ông Nguyễn Hồng N (Tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót) là chứng tại đền Thánh Tông, Hà Nội.

Số tiền chốt nợ ngày 17/6/2016 là 2.960.000.000đ, bà cho rằng do có quan hệ thân thiết nên gia đình bà có ký vào giấy chốt nợ đó. Đó chỉ là con số tạm tính và thống nhất không tính lãi nên trong văn bản không đề cập đến lãi xuất. Khi chốt nợ, bà chưa tính toán cụ thể, sau đó phát hiện số tiền chốt nợ này có sự nhầm lẫn, đó là không có 02 lần nhận, tổng là 400.000.000đ tiền mặt và 1.000.000.000đ trong đơn khởi kiện bổ sung. Sau đó, gia đình bà trả thêm cho ông H một vài lần gồm trả cho anh Đạt 100.000.000đ, anh Thành là 130.000.000đ và thóc (32 tấn x 11,500đ/kg) là 368.000.000đ nên đến thời điểm hiện tại, số nợ không còn là 2.960.000.000đ theo giấy tạm tính.

Ngoài ra, khoảng một tháng 10 ngày sau ngày 17/6/2016, ông H cho người đe dọa bà viết giấy hẹn trả nợ 1.500.000.000đ trong vòng một tháng. Đến ngày 15/10/2016, anh T đưa người đến ép ông bà viết giấy xác nhận công nợ với số tiền 3.169.000.000đ. Giấy xác nhận công nợ là do bà viết nhưng có người đọc cho bà viết. Số tiền 3.169.000.000đ gồm số tiền gốc 2.960.000.000đ cộng tiền lãi, lãi được tính theo ngày, cụ thể tính như nào bà không bà biết. Sau đó ông H nhiều lần cho người lên đe dọa bà, nhiều lần lấy tiền nhưng không làm giấy tờ.

Vì có sự nhầm lẫn như trên, bà T ông L đã nhiều lần đề nghị ông H lên đề trừ đi số tiền nhầm lẫn nhưng ông H không lên. Gia đình bà rất thiện chí để thanh toán nợ nhưng không được tạo điều kiện. Đến ngày 05/01/2017, gia đình bà buộc phải chuyển nhượng cho anh Đào Văn T cam kết chuyển nhượng đất nhà, kho là 1.800.000.000đ và có giấy xác nhận nợ còn lại là 1.269.000.000đ. Theo bản cam kết, gia đình bà sẽ được chuộc lại trong thời gian 06 tháng. Vì tin tưởng nên ông bà bà đến văn phòng công chứng ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đào Văn T

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, ông bà yêu cầu cần có mặt ông H để đối chất trực tiếp tính toán lại số tiền còn nợ lại. Sau khi đã thống nhất lại thì bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông H bằng tiền mặt nhưng không đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng đất đã ký kết với anh T. Ngoài ra, ông bà không đồng ý tính lãi xuất vì khi nhận tiền cũng như kí chốt nợ các bên không có thỏa thuận về việc tính lãi xuất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu T trình bày:

Anh là con đẻ của Ông Lê Hữu L, bà Lê Thị T và là con nuôi của ông Nguyễn Như H. Thời gian từ năm 2013 đến năm 2014, anh có nhận của ông H khoảng hơn 1.000.000.000đ. Cụ thể, ông H chuyển tiền qua tài khoản một vài lần và một lần nhận tiền mặt 500.000.000đ. Số tiền này anh sử dụng vào mục đích cá nhân khoảng 300,000.000đ, số tiền còn lại anh đã chuyển lại cho mẹ là bà Lê Thị T. Còn việc ông H chuyển tiền cho bà T các lần khác như thế nào, bà T chuyển trả, thanh toán với họ, chốt nợ giữa các bên ra sao thì anh không được chứng kiến chỉ nghe kể lại. Tuy nhiên, có lần anh được anh T yêu cầu chở thóc đến kho của ông Hồ Văn D ở nhà máy đường Sơn La nhưng không biết được số tiền bao nhiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Như H là vợ chồng hợp pháp. Giữa gia đình bà và gia đình bà T, ông L cũng có mối quan hệ quen biết thân thiết. Bắt đầu từ năm 2013, gia đình ông L và bà T có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên có vay tiền của vợ chồng bà và nhờ chồng bà đi vay hộ. Toàn bộ quá trình vay tiền, những lần chuyển tiền như thế nào và gia đình bà T đã thanh toán bao nhiêu do ông H đứng ra giao dịch. Ông bà cũng không có tiền nhiều nên ông H có nhờ một số mối quan hệ bạn bè để vay tiền cho bà T. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì gia đình bà T bắt đầu không trả được số nợ vay của gia đình bà. Vì vậy, bà đồng nhất với yêu cầu của ông H đề nghị bà T, ông L thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được ký ngày 05/01/2017 và tiếp tục trả lại cho gia đình bà số tiền còn vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngọc Lan H trình bày:

Vào khoảng thời gian trước tết âm lịch năm 2016, ông H có điện thoại cho bà hỏi vay số tiền 2.000.000.000đ, ông H nói với bà là vay hộ để trả nợ cho gia đình con nuôi và vay trong thời hạn một tháng. Vì gia đình bà và gia đình ông H rất thân thiết nên ngay hôm sau bà đã chuyển cho ông H vay số tiền 2.000.000.000đ bằng chuyển khoản không lập văn bản, thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ, vay không có lãi suất.

Khoảng thời gian tháng 5, tháng 6 năm 2016, bà có nhận được số tiền 1.500.000.000đ chuyển trả bà qua tài khoản Ngân hàng bằng nhiều lần do gia đình bà Lê Thị T ở Hát Lót, MS chuyển trả chứ không phải ông H trực tiếp đứng ra trả. Số tiền ông H còn nợ lại 500.000.000đ, bà yêu cầu ông H phải trả cho bà; bà không tính lãi suất.

Tại bản án số: 19/2018/DS - ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS đã xét xử và quyết định áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266, khoản 1 Điều 227, 228, 271, 274 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H. Buộc bà Lê Thị T, Ông Lê Hữu L và anh Lê Hữu T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Như H và vợ là Lê Thị Độ số tiền gốc là 2.730.000.000đ và lãi phát sinh tương ứng tính từ ngày 26/8/2016 đến ngày 24/11/2018 là 555.820.000đ. Tổng cộng là 3.285.820.000 (Ba tỷ hai trăm tám mươi năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Như H về việc buộc ông L, bà T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên đã ký ngày 05/10/2017, buộc gia đình Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị T di chuyển đồ đạc sinh hoạt cá nhân và tài sản ra khỏi nhà đất trên để bàn giao tài sản cho ông Nguyễn Như H.

3. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/01/2017 giữa bên chuyển nhượng là bà Lê Thị T, Ông Lê Hữu L và bên nhận chuyển nhượng là ông Đào Văn T vô hiệu.

4. Tuyên bố bản cam kết hợp đồng chuyển nhượng đất đề ngày 05/01/2017 giữa bên chuyển nhượng bà Lê Thị T và Ông Lê Hữu L với bên nhận chuyển nhượng là anh Đào Văn T và giấy xác nhận nợ ngày 05/01/2017 bà T nhận nợ với anh Đào Văn T số tiền còn lại 1.269.000.000đ là vô hiệu.

5. Tuyên bố “Giấy xác nhận công nợ” đề ngày 15/10/2016 do bà Lê Thị T và Ông Lê Hữu L viết, ký xác nhận vô hiệu.

6. Tách yêu cầu bà Ngọc Lan H đề nghị ông Nguyễn Như H phải trả cho bà số tiền 500.000.000đ giải quyết ở một vụ án khác trong trường hợp bà H có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2018 bị đơn bà Lê Thị T có đơn kháng cáo không nhất trí quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà thanh toán khoản nợ mà không khấu trừ số thóc chuyển trả nợ và không nhất trí trả lãi suất.

Tại phiên tòa ý kiến tranh luận của bị đơn bà Lê Thị T: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Ý kiến tranh luận của Ông Lê Hữu L và anh Lê Hữu T nhất trí với ý kiến của bà T.

Ý kiến tranh luận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều

308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về phạm vi khởi kiện: Từ năm 2013 đến năm 2016, ông Nguyễn Như H đã nhiều lần chuyển tiền trực tiếp và qua tài khoản cho bà T, ông L với tổng số tiền là 4.460.000.000đ mục đích là để ông bà LT sản xuất, kinh doanh. Việc vay không được lập thành văn bản, các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ. Đầu năm 2016 bà T đã thanh toán được 1.500.000.000đ (do anh T con trai bà chuyển trả anh H qua tài khoản của Ngọc Lan H ở Lạng Sơn). Số tiền còn lại ông L, bà T chưa thanh toán, để chốt lại các khoản nợ đã vay trước đây ngày 17/6/2016 ông L, bà T đã viết giấy xác nhận khoản nợ với nội dung “Gia đình 2 em L T và các con còn nợ số tiền còn lại là 2.960.000.000đ (hai tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)”. Tính lãi đối với số tiền 2.960.000.000đ từ ngày 01/7/2016. Đến ngày 15/10/2016 ông L, bà T tiếp tục viết giấy xác nhận công nợ với số tiền 3.169.000.000đ, người được ông H ủy quyền là anh T, bà T, ông L đã thế chấp nhà, kho để thực hiện việc trả nợ. Như vậy, từ thời điểm ngày 01/7/2016 đến 15/10/2016 là 04 tháng 15 ngày số tiền lãi là 209.000.000đ không phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2017 của anh Đào Văn T, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2018 của ông Nguyễn Như H, anh Đào Văn T đều xác định đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay là 2.569.000.000đ và tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến tháng 01/2017, vợ chồng ông L, bà T vẫn không thanh toán được khoản nợ trên, nên đã tự nguyện đến văn phòng công chứng Sơn La ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1 tờ bản đồ T – 2 + 3 – 1/SD có diện tích 150m² đất ở và đất thầu khoán nông nghiệp tại tiểu khu Nà Sản, xã Hát Lót, huyện MS, tỉnh Sơn La;. Tổng số tiền đang tranh chấp trong vụ án là 3.169.000.000đ. Theo thông báo thụ lý số 07/2018/TB - TLVA ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, yêu cầu của người khởi kiện được xác định buộc ông L, bà T trả số tiền còn nợ lại là 2.569.000.000đ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/4/2018, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, phiên họp

ngày 08/5/2018, nguyên đơn đề nghị ông L, bà T trả số tiền nợ gốc là 2.960.000.000đ và tiền lãi phát sinh 567.333.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị thanh toán số nợ còn lại là 2.730.000.000đ và tiền lãi phát sinh 715.333.000đ, xét thấy là không vi phạm về phạm vi khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T không chấp nhận trả đối với khoản nợ cấp sơ thẩm tuyên buộc bà thanh toán cho ông H tiền gốc và lãi xuất cho khoản tiền này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện: Từ năm 2013 đến năm 2016, ông H đã rất nhiều lần chuyển tiền trực tiếp cho bà T qua con rể bà T là anh Trần Minh T, qua tài khoản của con trai bà T là anh Lê Hữu T cho ông L Bà T rất nhiều lần (anh T và anh Thuận xác nhận được nhận khoản tiền này sau đó giao lại cho bà T, ông L). Sau khi vay bà đã thanh toán được 1.500.000.000đ, số tiền còn lại, đến ngày 17/6/2016 giữa ông H và vợ chồng ông L, bà T thực hiện chốt nợ do bà T trực tiếp viết, xác nhận còn nợ ông H số tiền là 2.960.000.000đ và Tại kết luận số 204/KL – C41 (C58) ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục cảnh sát Bộ công an kết luận bà T xác nhận còn nợ anh Hải số tiền là 2.960.000.000đ. Bà cho rằng việc nhận nợ là xuất phát từ mối quan hệ thân thiết giữa hai bên, con số này chỉ là tạm tính, chưa kiểm tra kỹ lại, đã nhiều lần yêu cầu anh H lên để đối chiếu lại nhưng anh H không hợp tác và yêu cầu anh H phải có mặt tại Tòa án để thống nhất lại khoản vay. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh H đã ủy quyền cho anh D, sau đó anh D ủy quyền lại cho anh T là người trực tiếp tham gia giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, việc cấp sơ thẩm chấp nhận việc ủy quyền lại cho người thứ là anh T là có căn cứ nên không chấp nhận ý kiến này của bà T.

Đối với số tiền 2.960.000.000đ bà T, ông L đã thanh toán được 230.000.000đ trả qua anh Nguyễn Quốc Đ và anh Lương Văn T, tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn cũng xác nhận bà đã trả số tiền này nên có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, bà T cho rằng đã thanh toán 32 tấn thóc tương đương với số tiền 368.000.000đ cho anh T để khấu trừ vào khoản nợ và có xuất trình giấy xác nhận của chủ xe là ông Lê Quang T, tuy nhiên ông T chỉ xác nhận nội dung anh Lê Hữu T có thuê xe chở thóc đến kho của ông Hồ Văn D. Chủ kho ông Hồ Văn D không nhớ sự việc ông L, bà T, anh T có gửi đồ nông sản là thóc

tại gia đình, hơn nữa anh T không thừa nhận đã nhận số thóc này nên không có căn cứ để chứng minh.

Số tiền còn lại là 2.730.000.000đ và tiền lãi phát sinh 715.333.000đ tuy trong giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận lãi và thời điểm trả nợ nhưng bà T xác nhận vào ngày 25/7/2016 âm lịch tức là ngày 26/8/2016 ông H yêu cầu bà trả tiền nhưng do bà không trả được nên đã viết giấy hẹn sau, bà T không thừa nhận nhưng có người làm chứng là ông Q và bà N đã xác nhận nội dung này, nên có căn cứ xác nhận thời điểm gia đình bà T không thực hiện trả nợ cho ông H từ ngày 26/8/2016. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 2.730.000.000đ và lãi phát sinh theo quy định 9%/năm số tiền 475.337.500đ. Tại cấp sơ thẩm, anh T xác nhận sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cùng ông L, bà T nên cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc Bà T, ông L và anh T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định, phân tích nêu trên trên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu của bà Ngọc Lan H, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 19/2018/DSST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266, khoản 1 Điều 227, 228, 271, 274 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 129, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H. Buộc bà Lê Thị T, Ông Lê Hữu L và anh Lê Hữu T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Như H và vợ là Lê Thị Đ tổng số tiền là 3.285.820.000 (Ba tỷ hai trăm tám mươi năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) (trong đó tiền gốc là 2.730.000.000đ và lãi là 555.820.000đ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.00đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001826 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Bà T đã nộp đủ số tiền trên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền

